

CHÍNH PHỦ
Số: 103/1998/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 1998

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để tăng cường quản lý nhà nước và nâng cao hiệu quả hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các hoạt động hợp tác về pháp luật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội (sau đây gọi là "Cơ quan, Tổ chức Việt Nam") với cơ quan Chính phủ, tổ chức quốc tế và tổ chức phi Chính phủ nước ngoài (sau đây gọi là "Cơ quan, Tổ chức nước ngoài").

Đơn vị trực thuộc Cơ quan, Tổ chức Việt Nam nói tại Điều này hợp tác với nước ngoài về pháp luật phải thông qua Cơ quan, Tổ chức Việt Nam chủ quản của mình.

Điều 2. Nguyên tắc hợp tác với nước ngoài về pháp luật

1. Việc hợp tác với nước ngoài về pháp luật phải được tiến hành trên cơ sở bảo đảm độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia, tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, phong tục, tập quán của dân tộc, bảo đảm tính hiệu quả, thiết thực và tránh trùng lặp.

2. Việc hợp tác với nước ngoài về pháp luật phải được tiến hành trên cơ sở chương trình, kế hoạch, dự án ký kết bằng văn bản giữa Cơ quan, Tổ chức Việt Nam và Cơ quan, Tổ chức nước ngoài sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều 4 của Nghị định này cho phép.

Nội dung chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác phải căn cứ vào đường lối, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, Chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội, mức độ ưu tiên của vấn đề hợp tác và khả năng hợp tác của Cơ quan, Tổ chức Việt Nam, cũng như của Cơ quan, Tổ chức nước ngoài.

3. Việc hình thành, cho phép ký kết và thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác phải tuân theo các quy định của Nghị định này, Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) ban hành kèm theo Nghị định số 87/CP ngày 05 tháng 8 năm 1997 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật

Hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật quy định tại Nghị định này bao gồm:

1. Nghiên cứu, thu thập thông tin, kinh nghiệm cần thiết trong việc soạn thảo, sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật;
2. Nghiên cứu, thu thập thông tin, kinh nghiệm cần thiết trong việc kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan tư pháp và bổ trợ tư pháp;
3. Đào tạo nghề nghiệp, nâng cao trình độ của cán bộ, công chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, thẩm phán, thư ký tòa án, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp hành viên, cán bộ thi hành án hình sự, trọng tài viên, công chứng viên, luật sư và các chức danh tư pháp khác;
4. Giảng dạy pháp luật ở bậc đại học và sau đại học;
5. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm về pháp luật mà không gắn với các hoạt động hợp tác quy định tại điểm 1, 2, 3 và 4 của Điều này;
6. Trao đổi thường xuyên tài liệu pháp luật, bao gồm giáo trình, sách giáo khoa, bài giảng, văn bản pháp luật và sách chuyên khảo về pháp luật.

Điều 4. Quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật

1. Chính phủ thống nhất quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật, bao gồm:

- a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác với nước ngoài về pháp luật;
- b) Quyết định chủ trương, phương hướng hợp tác;
- c) Chỉ đạo việc đàm phán, ký kết và thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác;
- d) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định các vấn đề sau:

- a) Trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác về pháp luật được ký kết với danh nghĩa Nhà nước;
- b) Quyết định đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc đình chỉ, hủy bỏ chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật được ký kết với danh nghĩa Chính phủ;
- c) Phê duyệt chủ trương đàm phán, ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc đình chỉ, hủy bỏ chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật của Cơ quan, Tổ chức Việt Nam quy định tại Điều 1 của Nghị định này;
- d) Tham gia ý kiến về chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật của các cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan, tổ chức khác, khi có yêu cầu.

Điều 5. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

Bộ Tư pháp giúp Chính phủ trong việc quản lý thống nhất các hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật, có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- 1. Soạn thảo trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật về hợp tác pháp luật với nước ngoài;
- 2. Xây dựng và trình Chính phủ chủ trương, phương hướng hợp tác pháp luật với nước ngoài;
- 3. Tổng hợp và điều phối về nội dung các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác pháp luật với nước ngoài;
- 4. Thẩm định về nội dung các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác, kể cả việc sửa đổi, bổ sung hoặc gia hạn các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác đó;

5. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Ngoại giao và Bộ Công an theo dõi, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện nội dung các chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác pháp luật với nước ngoài;

6. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Cơ quan, Tổ chức Việt Nam quy định tại Điều 1 của Nghị định này thực hiện hoạt động hợp tác theo đúng các quy định của Nghị định này; trong trường hợp có hành vi vi phạm thì kiến nghị Thủ tướng Chính phủ hình thức xử lý thích hợp theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Nghị định này.

Điều 6. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện việc quản lý đối với chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật có sử dụng nguồn ODA theo quy định của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn ODA, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện nhiệm vụ này.

2. Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tài chính và các Bộ khác, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện việc quản lý đối với chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác theo quy định của pháp luật, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện quản lý hợp tác với nước ngoài về pháp luật theo quy định của Nghị định này.

Điều 7. Trách nhiệm của Cơ quan, Tổ chức Việt Nam trong việc thực hiện hoạt động hợp tác với nước ngoài về pháp luật

Cơ quan, Tổ chức Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lựa chọn đối tác và nội dung hợp tác, thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác với nước ngoài về pháp luật đã được ký kết và bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các nguyên tắc hợp tác quy định tại Điều 2 của Nghị định này.

CHƯƠNG II

HÌNH THÀNH, XIN PHÉP VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, DỰ ÁN HỢP TÁC VỚI NƯỚC NGOÀI VỀ PHÁP LUẬT

Điều 8. Hình thành chương trình, kế hoạch, dự án hợp tác

1. Cơ quan, Tổ chức Việt Nam có nhu cầu hợp tác với nước ngoài về pháp luật và đã có đối tác hợp tác phải phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp và các